

Số: /KH-UBND

Bến Tre, ngày tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển

Phần I QUAN ĐIỂM

Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa; bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số.

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với công tác dân số và phát triển.

Nhà nước chăm lo, nâng cao khả năng tiếp cận và cung cấp dịch vụ về công tác dân số và phát triển cho mọi tầng lớp nhân dân.

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác dân số và phát triển; xây dựng mạng lưới, cơ chế phối hợp liên ngành phù hợp với trọng tâm công tác dân số và phát triển, đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Phần II CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG

I. SỰ CẦN THIẾT

Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân.

Công tác dân số không chỉ đơn thuần như trước đây là kế hoạch hoá gia đình mà công tác dân số và phát triển trong tình hình mới rất nhiều mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng cần đạt được liên quan đến các yếu tố: quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số; nên cần có một tổ chức đủ mạnh và được ổn định từ cấp tỉnh - huyện - xã và đội ngũ công tác viên dân số quản lý địa bàn để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Bộ máy tổ chức làm công tác dân số không chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dân số mà còn cung cấp các dịch vụ để thực hiện các giải pháp nhằm tác động trực tiếp đến quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng, sinh sản, tử vong, di cư và còn phải phối, kết hợp với các cơ quan có liên quan tác động đến và thích ứng với các thành tố nói trên (trước mắt, đến năm 2030 là thực hiện được 24 chỉ tiêu cụ thể nêu trong Nghị quyết số 21-NQ/TW). Nội dung quản lý nhà

nước và cung cấp dịch vụ dân số và phát triển rộng hơn rất nhiều so với thời kỳ trọng tâm là dân số - kế hoạch hóa gia đình. Mặt khác, tác động của dân số đến phát triển hiện nay cũng rất đa dạng (già hóa, di cư, mất cân bằng giới tính khi sinh, bệnh tật, chỉ số HDI...) nên cần có sự phối hợp giữa cơ quan dân số và các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Do đó, tổ chức bộ máy quản lý dân số hiện nay phải “phù hợp” với nội dung quản lý nhà nước đã nêu trong Nghị quyết số 21-NQ/TW.

Để thực hiện chủ trương của Đảng về đáp ứng các yêu cầu thực tiễn khách quan nêu trên thì việc tiếp tục nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển ở các cấp là cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

1. Căn cứ pháp lý

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới;

Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;

Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030;

Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030;

Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển.

Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tỉnh ủy Bến Tre về việc thực hiện Nghị quyết số 20 và 21-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác Dân số trong tình hình mới.

Kế hoạch số 2109/KH-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Bến Tre thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Cơ sở thực tiễn

Tổ chức, mạng lưới và đội ngũ làm công tác dân số trên địa bàn tỉnh Bến Tre thời gian qua của tỉnh và cấp huyện có nhiều biến động liên quan đến việc sáp nhập tổ chức bộ máy dân số; số lượng cộng tác viên dân số tại các địa bàn được tinh gọn khá lớn và chưa ổn định về nhân sự ở cấp cơ sở.

Công tác quản lý các nhóm đối tượng tại địa bàn cộng tác viên dân số có nơi thiếu chặt chẽ, một phần cộng tác viên tham gia thực hiện truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số phát triển chưa đồng bộ, có sự hụt hẫng về kiến thức, kỹ năng trong quản lý biến động dân số tại địa bàn và truyền thông khi tiếp cận các nhóm đối tượng. Kinh phí hỗ trợ hàng tháng còn khá thấp (150.000đ/cộng tác viên).

Nhu cầu của người dân mong muốn được đáp ứng các kiến thức trong chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng giống nòi ngày càng cao, rất cần có bộ máy ổn định để tham mưu, quản lý phối hợp hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu thông qua truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số - phát triển theo hướng nâng chất, hiệu quả. Việc vận động quản lý địa bàn dân số kiêm quản lý mở rộng thêm các lĩnh vực gia đình và trẻ em trong giai đoạn tiếp theo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Kiến toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển theo hệ thống các cấp từ tỉnh, huyện đến cơ sở; xây dựng mạng lưới cộng tác viên dân số và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới để giải quyết đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững của Bến Tre đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 - 2025:

Giữ ổn định mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển từ tỉnh đến cơ sở; đồng thời tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành ở tỉnh và củng cố ở các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh và địa phương cấp xã nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các ngành, cơ quan có liên quan đến lĩnh vực dân số và phát triển.

Triển khai đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em ở các địa bàn dân cư theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; lồng ghép công tác gia đình, trẻ em vào nhiệm vụ của công tác viên dân số; khuyến khích sự tham gia tích cực và tình nguyện của cộng đồng.

Thành lập Ban Chỉ đạo phối hợp liên ngành công tác dân số và phát triển các cấp.

b) Giai đoạn 2026 - 2030:

Tiếp tục giữ ổn định mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển các cấp trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành từ cấp tỉnh đến cấp xã. Củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển cấp tỉnh, huyện, xã.

Đánh giá kết quả việc triển khai lồng ghép nhiệm vụ của đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em.

IV. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Hệ thống tổ chức bộ máy và nhân lực làm công tác dân số, mạng lưới công tác viên dân số và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng

Công chức Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh.

Viên chức dân số cấp huyện, cấp xã.

Mạng lưới công tác viên dân số tại ấp, khu phố.

Các tổ chức, cá nhân, ngành đoàn thể liên quan thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số các cấp.

V. MÔ HÌNH

1. Tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển các cấp

a) Cấp tỉnh: Chi cục Dân số thuộc Sở Y tế đảm bảo biên chế theo quy định.

Về chức năng: Chi cục Dân số là tổ chức trực thuộc Sở Y tế, thực hiện chức năng tham mưu giúp Giám đốc Sở Y tế quản lý nhà nước về dân số và phát triển, bao gồm các lĩnh vực: quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân số và chất lượng dân số; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

Về nhiệm vụ: Kế thừa và củng cố các nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương và Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 11/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh;

(1) Trình cấp có thẩm quyền ban hành các quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm và hàng năm, chương trình, đề án về dân số của tỉnh; biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, cải cách hành chính, phân cấp quản lý, xã hội hoá công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Chi cục.

(2) Tham mưu giúp Giám đốc Sở Y tế trình cấp có thẩm quyền ban hành các quyết định, chỉ thị cá biệt và chương trình, giải pháp, biện pháp huy động, phối hợp liên ngành trong lĩnh vực dân số và phát triển.

(3) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các chính sách dân số, đào tạo nguồn nhân lực làm công tác dân số và phát triển của địa phương.

(4) Giúp Giám đốc Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình hành động, dự án về dân số và phát triển sau khi được phê duyệt.

(5) Xây dựng các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về dân số và phát triển trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

(6) Quản lý về quy mô dân số: theo dõi, quản lý biến động tăng, giảm dân số, đề xuất các giải pháp điều chỉnh mức sinh và tỷ lệ phát triển dân số trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật đối với các hoạt động dịch vụ tư vấn kế hoạch hoá gia đình/sức khỏe sinh sản và quản lý các phương tiện tránh thai; quản lý các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình/sức khỏe sinh sản trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các đề án, mô hình liên quan đến quy mô dân số trên địa bàn tỉnh.

(7) Quản lý về cơ cấu dân số: theo dõi, tổng hợp về cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật để bảo đảm cân bằng giới tính theo quy luật sinh sản tự nhiên trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai thực hiện đề án, mô hình liên quan đến điều chỉnh cơ cấu dân số trên địa bàn tỉnh;

(8) Thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

(9) Quản lý về chất lượng dân số: theo dõi, tổng hợp về chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng dân số đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, việc triển khai thực hiện các mô hình nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh.

(10) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục, tư vấn, cung cấp dịch vụ về các lĩnh vực dân số, kế hoạch hoá gia đình/sức khỏe sinh sản cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số theo hướng tiếp cận vòng đời từ trước khi sinh, sau sinh, vị thành niên, thanh niên, đến người cao tuổi.

(11) Xây dựng hệ thống tin quản lý về dân số; tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin và báo cáo về dân số theo quy định hiện hành.

(12) Hướng dẫn, kiểm tra, tạo điều kiện và hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức dịch vụ công và thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực dân số và phát triển.

(13) Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; tài chính, tài sản được giao.

(14) Kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực dân số theo thẩm quyền.

(15) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về dân số và phát triển cho cán bộ, viên chức và công tác viên dân số.

b) Cấp huyện: Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe thuộc Trung tâm Y tế huyện, thành phố đảm bảo tối thiểu 07 biên chế để thực hiện:

Về chức năng: Thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật, tư vấn, truyền thông giáo dục về dân số và phát triển trên địa bàn huyện.

Về nhiệm vụ: Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và Quyết định số 01/QĐ-SYT ngày 02/01/2019 của Sở Y tế quy định bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế các huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế.

(1) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số và phát triển, truyền thông giáo dục về dân số và phát triển trên cơ sở kế hoạch của Chi cục Dân số thuộc Sở Y tế và tình hình thực tế trên địa bàn huyện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Triển khai, phối hợp thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật, cung cấp dịch vụ về dân số và phát triển theo phân cấp và theo quy định của pháp luật: Tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số gia đình cho vị thành niên, thanh niên; dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình/ sức khỏe sinh sản; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn, tầm soát và quản lý sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ

sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; quản lý thông tin dân số của hộ gia đình...

(3) Triển khai, phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động, phổ biến các sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển theo phân cấp và theo quy định của pháp luật: sản xuất, cung ứng các tài liệu, sản phẩm, ấn phẩm truyền thông - giáo dục về dân số và phát triển; tổ chức các sự kiện truyền thông, tư vấn phục vụ công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

(4) Truyền thông, giáo dục sức khỏe về lĩnh vực y tế.

(5) Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát chuyên môn các hoạt động về dân số của Trạm Y tế xã và cộng tác viên dân số ấp, khu phố.

(6) Quản lý và triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình được Chi cục Dân số phân công.

(7) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ đối với viên chức xã và cộng tác viên dân số trên địa bàn.

(8) Tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu và tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực dân số và phát triển.

(9) Thực hiện các chế độ thống kê, báo cáo, quản lý, vận hành, khai thác, cung cấp thông tin dữ liệu chuyên ngành dân số và phát triển theo quy định của pháp luật.

(10) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Trung tâm Y tế phân công.

c) Cấp xã: Mỗi Trạm Y tế được phân bổ 01 chỉ tiêu số lượng người làm việc làm công tác dân số. Duy trì các nhiệm vụ:

(1) Xây dựng kế hoạch công tác năm, chương trình công tác quý, tháng, tuần về dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; cán bộ dân số có trách nhiệm tham mưu, phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giám sát hoạt động của cộng tác viên dân theo đúng nhiệm vụ được phân công.

(2) Hướng dẫn cộng tác viên dân số: Lập chương trình công tác tuần, tháng; thực hiện chế độ ghi chép ban đầu về dân số, kế hoạch hóa gia đình, thu thập số liệu về dân số, kế hoạch hóa gia đình, lập báo cáo tháng, lập các sơ đồ và biểu đồ quản lý các chỉ tiêu dân số của xã; phương pháp tuyên truyền, vận động, tư vấn; cung cấp bao cao su, thuốc uống tránh thai.

(3) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cộng tác viên dân số; giúp Trưởng Trạm Y tế xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng trên địa bàn xã.

(4) Tổ chức giao ban cộng tác viên dân số hàng tháng để đánh giá kết quả hoạt động về dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng của từng ấp. Kịp thời giải quyết hoặc xin ý kiến cấp có thẩm quyền để

giải quyết những vấn đề phát sinh. Dự họp giao ban viên chức dân số cấp xã do huyện tổ chức hàng tháng.

d) Tại các ấp, khu phố: Bố trí một cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em. Đảm bảo mỗi cộng tác viên quản lý từ 200 đến 250 hộ, phân bố tùy theo địa bàn hoạt động. Nhiệm vụ của cộng tác viên dân số:

(1) Xây dựng chương trình công tác tháng, tuần về dân số; phối hợp với các tổ chức trên địa bàn triển khai các hoạt động quản lý và vận động tới từng hộ gia đình.

(2) Trực tiếp tuyên truyền, vận động, tư vấn về dân số và cung cấp bao cao su, thuốc uống tránh thai đến từng hộ gia đình.

(3) Kiểm tra việc duy trì thực hiện các nội dung dân số của các hộ gia đình tại địa bàn quản lý.

(4) Thực hiện chế độ ghi chép ban đầu, thu thập số liệu, lập báo cáo tháng về dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định hiện hành; lập các sơ đồ và biểu đồ, quản lý sổ hộ gia đình về dân số, kế hoạch hóa gia đình tại địa bàn quản lý.

(5) Bảo quản và sử dụng các tài liệu (sổ sách, biểu mẫu báo cáo...) liên quan đến nhiệm vụ được giao.

(6) Dự giao ban cộng tác viên dân số thôn bản hàng tháng để phản ánh tình hình và báo cáo kết quả hoạt động dân số của địa bàn được giao quản lý. Giải quyết hoặc xin ý kiến viên chức dân số xã để giải quyết những vấn đề phát sinh.

(7) Thực hiện kiêm nhiệm công tác gia đình và trẻ em.

2. Cơ chế phối hợp liên ngành dân số và phát triển các cấp

Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành các cấp để thực hiện nhiệm vụ phối hợp liên ngành về dân số và phát triển, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành đoàn thể nhằm giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề dân số và phát triển trong tình hình mới tiến tới thực hiện thành công Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Tái thành lập Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển cấp tỉnh; cấp huyện, cấp xã, phường, thị trấn. Đảm bảo hoạt động thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

a) Nhiệm vụ Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các cấp:

- Tham mưu Cấp ủy ban hành chỉ thị, chương trình hành động thực hiện công tác dân số và phát triển trên cơ sở cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra.

- Tham mưu Hội đồng nhân dân ban hành các chính sách về dân số và phát triển cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Xây dựng đề án, kế hoạch thực hiện những vấn đề quan trọng liên ngành liên quan đến dân số và phát triển.

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các huyện, thành phố.

Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; có Quy chế hoạt động và không phát sinh tổ chức, biên chế mới.

b) Thành phần của Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển cấp tỉnh bao gồm:

- Trưởng ban Chỉ đạo: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Phó Trưởng Ban Chỉ đạo: Phó Giám đốc Sở Y tế;
- Chi cục trưởng Chi cục dân số thường trực Ban chỉ đạo
- Các Thành viên Ban Chỉ đạo gồm đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Cục Thống kê, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Mời tham gia Thành viên Ban Chỉ đạo gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh.

c) Thành phần Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các cấp:

Vận dụng theo cơ cấu chức danh tương đương của cùng cấp, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thành lập.

3. Cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em

Lồng ghép nhiệm vụ của cộng tác viên dân số với công tác gia đình và bảo vệ trẻ em: Mỗi cộng tác viên đảm nhiệm 03 nhiệm vụ (công tác dân số, công tác gia đình, công tác trẻ em).

Rà soát, lựa chọn cộng tác viên dân số để kiêm nhiệm công tác gia đình và trẻ em tại các ấp, tổ dân phố; ưu tiên lựa chọn cộng tác viên dân số có kinh nghiệm lâu năm, đạo đức tốt, nhiệt huyết với công việc, có hiểu biết, có trình độ, chuyên môn, có sức khỏe.

Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện đội ngũ cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình, trẻ em; lồng ghép nhiệm vụ cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp các tài liệu văn bản liên quan về lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em.

Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động của việc triển khai đội ngũ cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình, trẻ em để xem xét hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời.

Mức phụ cấp cho công tác viên làm công tác dân số, gia đình và trẻ em là 450.000 đồng/ 200 đến 250 hộ dân.

VI. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

Tổ chức quán triệt nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW sâu rộng trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội về chuyển trọng tâm chính sách từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với các vấn đề liên quan đến công tác dân số trong tình hình mới; đưa công tác dân số và phát triển thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; vận động, phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, trưởng ấp, người uy tín trong cộng đồng, người có ảnh hưởng đến công chúng tham gia tuyên truyền, giáo dục người dân thực hiện chính sách dân số và phát triển.

Trực tiếp chỉ đạo công tác phối hợp liên ngành; phân công nhiệm vụ, thực hiện cơ chế phối hợp hiệu quả giữa ngành y tế với các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện công tác dân số và phát triển trên địa bàn. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia, giám sát thực hiện công tác dân số.

Chỉ đạo ổn định tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển các cấp; kiện toàn Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển cấp tỉnh để chỉ đạo, điều phối hoạt động phối hợp liên ngành về dân số và phát triển; triển khai đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại ấp, khu phố.

2. Đổi mới nội dung truyền thông, vận động về dân số và phát triển

Nghiên cứu, đổi mới nội dung, chương trình, phương thức truyền thông, giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển trên tất cả các kênh truyền thông, đặc biệt chú trọng sử dụng các loại hình truyền thông qua mạng xã hội. Bên cạnh đó, đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường góp phần hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản ở thế hệ trẻ.

Duy trì và nhân rộng các mô hình truyền thông, giáo dục về bình đẳng giới, đặc biệt là Câu lạc bộ “Gia đình sinh 2 con một bề là gái”; Câu lạc bộ “Bạn gái”; Câu lạc bộ “Giáo dục tình dục toàn diện cho vị thành niên, thanh niên” nhằm truyền thông nâng cao nhận thức về vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và xã hội góp phần thực hiện hiệu quả công tác bình đẳng giới, giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

Chú trọng xây dựng các mô hình truyền thông, giáo dục nâng cao chất lượng dân số, trong đó tập trung mô hình “Tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân” để cung cấp cho thanh niên các kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản và vận động thực hiện khám sức khỏe trước khi kết hôn. Phát triển mô hình

Câu lạc bộ “Liên thế hệ tự giúp nhau” nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và phát huy vai trò của người cao tuổi tại cộng đồng. Đồng thời, hướng tới việc triển khai xây dựng mô hình xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động, nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, đặc biệt là quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

3. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số và phát triển

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển cấp tỉnh, huyện, xã đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới. Nghiên cứu, đề xuất đưa chính sách dân số và phát triển vào trong hương ước, quy ước của địa phương phù hợp với các quy định của pháp luật.

Nghiên cứu, xây dựng chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương. Có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại cơ sở.

Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện các nội dung của công tác dân số trong tình hình mới. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách về chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung. Cụ thể hóa các quy định của nhà nước về xây dựng, quản lý và vận hành cơ sở chăm sóc người cao tuổi theo phương thức hợp tác công tư. Có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi.

4. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số và phát triển

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số và phát triển. Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương cho việc thực hiện các chế độ, chính sách về dân số và phát triển, nhất là chính sách hỗ trợ cho đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Đẩy mạnh việc đa dạng hóa các nguồn đầu tư từ cộng đồng, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho công tác dân số và phát triển. Có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số và phát triển.

5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân số và phát triển các cấp

Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển các cấp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất.

Xây dựng mạng lưới cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại cơ sở. Có chính sách đãi ngộ về vật chất, tinh thần phù hợp để động viên, khuyến khích đội ngũ cộng tác viên tham gia công tác lâu dài.

Củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển các cấp để chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ban, ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan đến dân số và phát triển. Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, không phát sinh tổ chức, không phát sinh biên chế.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học về dân số và phát triển, ưu tiên các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu dân số, chất lượng dân số, phân bố dân cư và lồng ghép các yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, lĩnh vực.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ về dân số và phát triển; dự báo, cung cấp số liệu dân số nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số trong tình hình mới. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí: Kinh phí do ngân sách nhà nước đảm bảo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển cấp tỉnh để chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ban, ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan đến dân số và phát triển.

Chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn, triển khai hoạt động đội ngũ cộng tác viên

dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại cơ sở; đánh giá hiệu quả việc triển khai đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em.

2. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, triển khai đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại cơ sở; đánh giá hiệu quả hoạt động đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp các tài liệu văn bản liên quan về lĩnh vực trẻ em; phân công nhiệm vụ công tác trẻ em cho đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em.

Phối hợp với Sở Y tế, Ban đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh và các ban, ngành liên quan tiến hành xây dựng, triển khai thí điểm các mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung các chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, triển khai đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại cơ sở; đánh giá hiệu quả hoạt động đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp các tài liệu văn bản liên quan về lĩnh vực gia đình; phân công nhiệm vụ công tác gia đình cho đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em.

Phối hợp với Sở Y tế thực hiện lồng ghép tuyên truyền các nội dung về dân số và phát triển thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền, cổ động. Chỉ đạo lồng ghép đưa chính sách dân số và phát triển vào phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; nghiên cứu, đề xuất đưa chính sách dân số và phát triển vào trong hương ước, quy ước của địa phương phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo hệ thống thông tin, truyền thông đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về lĩnh vực dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng; định hướng nội dung công tác truyền thông về công tác dân số và phát triển.

Phối hợp với Sở Y tế tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các nội dung truyền thông về công tác dân số và phát triển đăng trên các trang website; các sơ sở in ấn, xuất bản, phát hành ấn phẩm có nội dung tuyên truyền về dân số và phát triển.

5. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển các cấp; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác dân số và phát triển. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại cơ sở.

6. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, đưa các chỉ tiêu công tác dân số và phát triển vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và khả năng ngân sách hàng năm của tỉnh cân đối, bố trí kinh phí cho việc triển khai thực hiện công tác dân số và phát triển.

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu, đưa một số nội dung dân số, sức khỏe sinh sản vào chương trình giảng dạy của nhà trường phù hợp với từng cấp học; lồng ghép tổ chức các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh.

8. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế trong các hoạt động điều tra, khảo sát, đánh giá về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số đáp ứng yêu cầu quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xây dựng chiến lược, chương trình dài hạn về công tác dân số và phát triển.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Y tế triển khai lồng ghép các chỉ tiêu của công tác dân số và phát triển vào bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh, công tác di dân tái định cư.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

Triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, ưu tiên đưa danh mục các đề tài dự án liên quan đến công tác dân số và phát triển nhằm nghiên cứu chuyển giao các mô hình nâng cao chất lượng dân số trong tình hình mới.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên

Chỉ đạo việc tổ chức triển khai lồng ghép các nội dung về dân số và phát triển vào trong các hoạt động tuyên truyền, vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cấp đoàn, hội, qua đó tuyên truyền, giáo dục cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt các chính sách dân số và phát triển; phối hợp cùng các ngành đưa chính sách dân số và phát triển vào phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Tham gia giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ nội dung kế hoạch này để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của địa phương; ổn định tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển; kiện toàn Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển để chỉ đạo, điều phối hoạt động

phối hợp liên ngành về dân số và phát triển; triển khai đội ngũ cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại ấp, khu phố.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển, trong quá trình triển khai có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Thường trực Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển (*Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế*) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Tổng cục DS-KHHGĐ (b/cáo);
- CT, các PCT-UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Cục Thống kê;
- MTTQ VN & các TCCT-XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chi cục DS-KHHGĐ;
- Chánh, Phó CVP (KGVX);
- Phòng: KGVX, TH, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT,k.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Bé Mười